

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST  
Ngày 28 - 4 - 2022  
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Quốc Sách.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.
2. Ông Bùi Tấn Dũng.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Dương Thành Tâm, Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 4, ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Trịnh Thị Kiều T, sinh năm 1977; *Địa chỉ cư trú:* ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1964; *Địa chỉ cư trú:* ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (vợ ông T); Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/02/2021), (có mặt)*

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1971.

3.2. Chị Phạm Nhật L, sinh năm 1996.

*Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.*

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn T, chị Phạm Nhật L là bà Bà Trịnh Thị Kiều T, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2021), (có mặt)*

3.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964. *(có mặt)*

3.4. Anh Nguyễn Trọng C, sinh năm 1985. *(vắng mặt lần hai không lý do)*

3.5. Chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1991. *(vắng mặt lần hai không lý do)*

3.6. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984. *(có mặt)*

*Cùng cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.*

**4. Người làm chứng:** bà Lê Thị P, sinh năm: 1942; Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. *(vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn kiện và quá trình tố tụng vụ án thì nguyên đơn bà Trịnh Thị Kiều T trình bày:** Phần đất tranh chấp với bị đơn ông Nguyễn Thành T có nguồn gốc là của tộc họ Hồ để lại, khoảng năm 1930 ông ngoại bà là ông Âu Văn H làm xui gia với ông Hồ Văn N, từ đó ông N mới giao lại diện tích này cho ông ngoại bà quản lý, đến năm 1990 ông ngoại bà qua đời mới để lại phần đất này cho di bà là bà Âu Thị D quản lý, đến năm 1996 di bà mới giao lại phần đất cho bà quản lý, đến năm 2005 thì gia đình bà được Nhà nước cấp giấy chứng quyền sử dụng đất thửa đất 242, tờ bản đồ số 7, diện tích 154m<sup>2</sup>, đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (do chồng bà là ông Phạm Văn T đứng tên quyền sử dụng đất).

Đối với ông Nguyễn Thành T vào năm 1986 mua lại phần đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn B (đã chết), bà Lê Thị P - diện tích ngang 09m, dài 10m và cất căn nhà gỗ ngay ranh đất đã mua và hai bên không có mâu thuẫn tranh chấp gì, đến tháng 3 năm 2020 ông Nguyễn Thanh T dỡ căn nhà gỗ và xây dựng nhà mới bằng bê tông cốt thép đã lấn qua phần đất của bà là ngang 1,6m, dài 09m, diện tích là 14,4m<sup>2</sup>, bà có làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã L, UBND xã có lập biên bản tạm ngừng thi công và ông T có hứa và ký tên, mặc dù có hứa và ký tên vào biên bản tạm ngừng thi công nhưng ông T vẫn tiếp tục xây dựng, tiếp tục đến ngày 03 tháng 11 năm 2020 ông T ngang nhiên chiếm thêm đất của bà với chiều ngang 5,4m, chiều dài 5,5m, tổng diện tích là 29,7m<sup>2</sup> để xây bậc thêm và sân nhà, bà có gửi đơn đến UBND xã nhưng không được giải quyết.

Từ những nguyên nhân nêu trên, bà yêu cầu gia đình ông Nguyễn Thành T tháo dỡ toàn bộ những gì mà gia đình ông T đã xây dựng để trả lại cho gia đình bà diện tích đất đã lấn chiếm là 25,3m<sup>2</sup> (Theo đo đạc thực tế, trừ phần mồ mã và lối đi ra không tranh chấp), thuộc một phần thửa đất 242, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp do ông Phạm Văn T (chồng bà) đứng tên quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa bà Kiều T thay đổi yêu cầu lại, chỉ yêu cầu trả giá trị đất theo quy định.

**- Bà Nguyễn Thị T (vợ ông T) là người liên quan, cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:**

Phần đất hiện đang tranh chấp với gia đình bà Trịnh Thị Kiều T có nguồn gốc là vào năm 1982 gia đình bà mua của vợ chồng ông Nguyễn Văn B (đã chết), bà Lê Thị P với diện tích ngang 09m, dài 16m (kể cả phần đất tranh chấp), khi mua hai bên có làm giấy tay, nhưng đến nay đã qua 03 lần gia đình bà sửa nhà nên giấy tay đã bị thất lạc, theo bà biết phần đất này là của gia tộc họ Hồ hiến làm đất thổ mộ để làm phước cho bà con địa phương tại đây và bà đã mua lại của vợ chồng ông B, đến nay gia đình bà đã sử dụng phần đất này gần 40 năm, chiếu theo quy định của Luật đất đai năm 1993 và năm 2003 thì gia đình bà là chủ đất.

Nay qua yêu cầu của gia đình bà Kiều T, gia đình bà không đồng ý, vì đã mua của vợ chồng ông B từ năm 1982 và ở sử dụng đến nay.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:** thống nhất theo lời trình bày của mẹ chồng là bà Nguyễn Thị T.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Trọng C, Nguyễn Ngọc N:** Đã vắng mặt trong quá trình tố tụng của vụ án, nên không có ý kiến tại Tòa.

**- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy: Phần đất tranh chấp mà hộ ông Nguyễn Thành T đang sử dụng làm sân nhà có diện tích 25,3m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa 242, tờ bản đồ số 7 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn T đứng tên, từ đó cho thấy yêu cầu của bà Trịnh Thị Kiều T là có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị Kiều T thay đổi yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Thành T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả lại giá trị phần đất đã lấn chiếm có diện tích đo đạc thực tế 25,3m<sup>2</sup>. Xét, sự thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận;

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kiều T, buộc ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn Trịnh Thị Kiều T giá trị quyền sử dụng đất có diện tích đất đo đạc thực tế 25,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 242, tờ bản đồ số 7, tại xã L, huyện H theo biên bản định giá tài sản ngày 16/01/2022.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn và đối tượng tranh chấp đều có cùng địa chỉ cư trú tại địa phận huyện Hồng Ngự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với những người liên quan, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt họ, xét thấy là phù hợp, không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, do đó căn cứ vào các Điều 227, 229 vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung:

Phần đất tranh chấp, theo sơ đồ đo đạc số: TĐ 07-2022 ngày 21/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự thì có diện tích  $26m^2$  (nguyên đơn thống nhất diện tích này và thống nhất trừ phần đất mồ mã diện tích  $13,6m^2$ , phần đất lối đi diện tích  $21,5m^2$  không tranh chấp), trong đó  $25,3m^2$  thuộc một phần thửa 242, tờ bản đồ số 07, mục đích sử dụng: trồng cây lâu năm;  $0,7m^2$  thuộc một phần thửa 252, tờ bản đồ số 7, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn – điều tọa lạc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, (hiện do hộ ông Nguyễn Thành T quản lý, vì có dính vào một phần vách cửa nhà ông T, phần còn lại làm sân và lối đi ra vào nhà; hộ ông Phạm Văn T thì đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 16/9/2005, ở thửa 242, diện tích  $154m^2$ ; còn một phần thửa 252 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ai, nhưng hộ ông Nguyễn Thành T đang quản lý sử dụng).

Phần đất này theo bà Trịnh Thị Kiều T (vợ ông T) trình bày là có nguồn gốc của tộc họ Hồ để lại, khoảng năm 1930 ông ngoại bà là ông Âu Văn H làm xui gia với ông Hồ Văn N, từ đó ông N mới giao lại diện tích đất này cho ông ngoại bà quản lý, đến năm 1990 ông ngoại bà qua đời mới để lại phần đất này cho dì bà là bà Âu Thị D quản lý, đến năm 1996 bà D mới giao lại cho bà quản lý, đến năm 2005 thì gia đình bà được Nhà nước cấp giấy chứng quyền sử dụng đất thửa đất 242, tờ bản đồ số 7, diện tích  $154m^2$ , đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (do chồng bà là ông Phạm Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); Còn bà Nguyễn Thị T (vợ ông T) trình bày phần đất gia đình bà đang cất nhà ở là có nguồn gốc vào năm 1982 bà mua của vợ chồng ông Nguyễn Văn B (đã chết), bà Lê Thị P có chiều ngang 09m, dài 16m, khi mua hai bên có làm giấy tay, nhưng đến nay đã qua 03 lần gia đình bà sửa chữa nhà nên giấy tay đã bị thất lạc (tại phiên tòa thì bà khai rằng mua bán không có làm giấy tờ), theo sơ đồ đo đạc thể hiện tại thửa 252, tờ bản đồ số 07, mục đích sử dụng: ở nông thôn – chưa được cấp giấy chứng nhận, còn phần đất tranh chấp (ở trước cửa nhà bà) là của gia tộc họ Hồ hiến làm đất thổ mộ để làm phước cho bà con địa phương tại đây và gia đình bà cũng đã mua từ chỗ vợ chồng ông B kể từ năm 1982, tính đến nay gia đình bà đã sử dụng phần đất này gần 40 năm, chiếu theo quy định của Luật đất đai năm 1993 và năm 2003 thì gia đình bà là chủ đất.

Hội đồng xét xử, nhận thấy: Bà Nguyễn Thị T (vợ ông T) trình bày phần đất vợ chồng đang xây nhà ở là mua của vợ chồng ông Nguyễn Văn B (đã chết), bà Lê Thị P có

chiều ngang 09m, dài 16m, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cột mốc ranh cụ thể và đất này cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nên không xác định được, trong khi đó bà Nguyễn Thị T (vợ ông T) cũng thừa nhận phần đất tranh chấp là của tộc họ Hồ và gia đình bà đã mua do vợ chồng ông B, bà P bán, nhưng đối chiếu lời khai của bà Lê Thị P (người bán đất cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T) khai rằng chỉ bán tới ranh phần đất tộc họ Hồ, phần đất tranh chấp là của tộc họ Hồ, ngoài ra theo bà Trịnh Thị Kiều T (vợ ông T) cung cấp thì phần đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận do ông Phạm Văn T (chồng bà Kiều T) đại diện hộ đứng tên. Do đó xét thấy lý lẽ của bà Nguyễn Thị T (vợ ông T) đưa ra cho rằng gia đình bà đã mua của vợ chồng ông B, bà P và quản lý sử dụng trên 40 năm, nên là đất của gia đình bà là không có cơ sở chấp nhận, mà đây là đất của hộ ông Phạm Văn T, bà Trịnh Thị Kiều T được Nhà nước cấp quyền sử dụng hợp pháp, đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục - được thể hiện theo xác định tại sơ đồ đo đạc và văn bản số: 135/UBND-HC ngày 28/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện hồng Ngự về việc cung cấp thông tin cho Tòa án, lẽ ra phải buộc hộ bà Nguyễn Thị T (vợ ông T) trả đất lại cho hộ bà Trịnh Thị Kiều T (vợ ông T) - (trong đó có tháo dỡ một phần vách cửa nhà), nhưng xét thấy hộ bà Nguyễn Thị T (vợ ông T) đã xây nhà kiên cố, phần đất này dùng để làm sân và lối đi ra, vào nhà (không còn lối đi nào khác), và phía hộ bà Trịnh Thị Kiều T (vợ ông T) bấy lâu nay chưa sử dụng (vì để làm đất làm mô mã khi cần), diện tích không lớn và hộ bà Trịnh Thị Kiều T (vợ ông T) có nơi ở ổn định chỗ khác, đồng thời tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị Kiều T (vợ ông T) đã thay đổi ý kiến là chỉ yêu cầu phía vợ chồng bị đơn bà Nguyễn Thị T trả giá trị phần đất tranh chấp theo quy định. Xét thấy đây là sự tự nguyện đạt tình, hợp lý của nguyên đơn, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận, do đó hộ bà Nguyễn Thị T (vợ ông T) được tiếp tục sử dụng phần đất trên và có trách nhiệm trả giá trị đất lại cho hộ bà Trịnh Thị Kiều T (vợ ông T) với số tiền là:  $25,3\text{m}^2 \times 78.000\text{đồng/m}^2$  (theo kết luận định giá ngày 16/01/2022 tại hồ sơ) = 1.973.400đồng – có như thế mới đảm bảo được sự sinh hoạt bình thường của hộ bà Nguyễn Thị T (vợ ông T) và tình làng nghĩa xóm giữa hộ bà Nguyễn Thị T (vợ ông T) với hộ bà Trịnh Thị Kiều T (vợ ông T) được tốt hơn.

[3]. Đối với phần diện tích  $0,7\text{m}^2$  thuộc một phần thửa 252, tờ bản đồ số 07 xác vách cửa nhà bà Nguyễn Thị T là dính vào thửa đất mà gia đình bà Nguyễn Thị T mua của ông B, bà P và gia đình bà Nguyễn Thị T đang quản lý xây cất nhà ở (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng), ngoài phạm vi thửa 242 của ông Phạm Văn T (Kiều T), nên hộ bà Nguyễn Thị T tiếp tục sử dụng theo quy định, không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Từ nhận định trên thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp: Căn cứ vào các Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, khi xem xét, thẩm định tại chỗ thì nguyên đơn bà Trịnh Thị Kiều T đã nộp tạm ứng số tiền là: 1.771.000 đồng tại hóa đơn thu số: 0046689 (không ghi ngày) của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự và nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản tranh chấp là 300.000 đồng tại danh sách chi bồi dưỡng cho Hội đồng định giá ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự. Tổng cộng là: 2.071.000 đồng. Xét thấy vụ án này nguyên đơn bà Kiều T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu,

bị đơn ông T (bà Thị T) có nghĩa vụ giao trả giá trị đất cho nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tranh chấp là: 2.071.000 đồng. Nguyên đơn bà Kiều T đã nộp tạm ứng trước, nên bị đơn trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền là: 2.071.000 đồng.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để xem xét án phí dân sự sơ thẩm và buộc các đương sự nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 163, 164, 165, 166, 168, 169, 254 Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 166, 203 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kiều T (vợ ông Phạm Văn T), về việc đòi lại quyền sử dụng đất đối với hộ ông Nguyễn Thành T (vợ là Nguyễn Thị T).

2. Buộc hộ ông Nguyễn Thành T, (gồm: Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Trọng C, Nguyễn Ngọc N) có trách nhiệm trả giá trị quyền sử dụng trên diện tích đất 25,3m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 242, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp cho hộ bà Trịnh Thị Kiều T (chồng là Phạm Văn T) số tiền là: 1.973.400 đồng.

3. Hộ ông Nguyễn Thành T, (gồm: Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Trọng C, Nguyễn Ngọc N) được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích: 25,3m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 242, tờ bản đồ số 7, mục đích sử dụng: trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, trong phạm vi từ mốc M12, M13, M14, M15, M7, M16, M17 trở về M12. *(Hiện do hộ ông Phạm Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*

Hộ ông Nguyễn Thành T (vợ là bà Nguyễn Thị T) và hộ ông Phạm Văn T (vợ là Trịnh Thị Kiều T) cùng có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký làm thủ tục sang tên quyền sử dụng phần đất nêu trên cho hộ ông Nguyễn Thành T (vợ là bà Nguyễn Thị T) theo quy định.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp thu hồi phần đất diện tích: 25,3m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 242, tờ bản đồ số 7, mục đích sử dụng: trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, (trong phạm vi từ mốc M12, M13, M14, M15, M7, M16, M17 trở về M12) tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp ngày 16/9/2005 cho hộ ông Phạm Văn T, sinh năm 1971, đề cấp lại quyền sử dụng cho hộ ông Nguyễn Thành T (gồm: Nguyễn Thành T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Trọng C, Nguyễn Ngọc N) theo quy định.

*(Kèm theo sơ đồ đo đạc số: TĐ:07-2022, ngày 21/3/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự)*

**4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp:**

Bị đơn ông Nguyễn Thành T (vợ là bà Nguyễn Thị T) có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Trịnh Thị Kiều T (chồng là ông Phạm Văn T) số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là: 2.071.000 đồng.

**5.** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành án xong.

**6. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bị đơn ông Nguyễn Thành T (vợ là bà Nguyễn Thị T) có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Trịnh Thị Kiều T là 300.000 đồng theo biên lai thu số BI/2019/0012917 ngày 13/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**7.** Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/4/2022). Đối với những người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

**8.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;v
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lâm Quốc Sách**